TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **112** /2023/QĐST- HNGĐ	*TP. Tuyên quang, ngày 14 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 157/2023/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Vũ Thị Ngọc H,** sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường M, thành phố T, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Anh **Trịnh Đình S,** sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường M, thành phố T, tỉnh T.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phan V, chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ma Trung K, chức vụ: Phó trưởng phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ tín dụng.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 - Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Uỷ ban Th- ờng vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2023,

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vũ Thị Ngọc H và anh Trịnh Đình S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Giao con chung là Trịnh Ngọc L (tức Trịnh Ngọc H), sinh ngày 06/12/2017 và Trịnh Vũ L, sinh ngày 09/11/2012 cho chị Vũ Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly hôn. Anh Trịnh Đình S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung cùng chị H, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng/con chung, tổng cộng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*)/ tháng, phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2023 cho đến khi các con Trịnh Ngọc L (tức Trịnh Ngọc H) và Trịnh Vũ L đủ 18 tuổi.

Anh Trịnh Đình S có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- *Về tài sản chung:* Chị Vũ Thị Ngọc H và anh Trịnh Đình S cùng xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về vay nợ chung:* Chị Vũ Thị Ngọc H, anh Trịnh Đình S và ông Ma Trung K - đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang cùng thống nhất xác định: Hiện anh chị H – S còn vay nợ Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang số tiền 50.000.000 đồng + lãi phát sinh theo hợp đồng; Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang nhất trí để anh Trịnh Đình S tiếp tục thực hiện hợp đồng theo Sổ vay vốn Mã KH: 7077410299 lập ngày 13/7/2019 (giải ngân ngày 12/08/2019), không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Vũ Thị Ngọc H tự nguyện nộp toàn bộ án phí sơ thẩm của vụ án là 150.000đ *(Một trăm năm m- ơi nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000437 ngày 08 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị H số tiền chênh lệch là 150.000đ *(Một trăm năm m- ơi nghìn đồng)*.

Anh Trịnh Đình S phải nộp 150.000 đồng *(Một trăm năm m- ơi nghìn đồng)* án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP.Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP.Tuyên Quang (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường Mỹ Lâm, Tp Tuyên Quang (để biết)
- Lưu hồ sơ VA+ TA

THẨM PHÁN

Đào Thị Thu Thủy